

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ  
NHÂN VĂN**

---

**TRỊNH PHƯƠNG DUNG**

**KHÁT VỌNG TỰ DO TRONG THƠ NỮ VIỆT  
NAM ĐƯƠNG ĐẠI QUA CÁC TÁC GIẢ DƯ THỊ  
HOÀN, PHAN HUYỀN THƯ, LY HOÀNG LY,  
VI THÙY LINH**

Chuyên ngành: Văn học Việt Nam

Mã số: 62 22 01 21

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ VĂN HỌC**

**Hà Nội – 2020**

Công trình được hoàn thành tại:

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học  
Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Nguyễn Bá Thành

Phản biện: .....

Phản biện: .....

Phản biện: .....

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng cấp Đại học Quốc  
gia chấm luận án tiến sĩ họp tại .....

.....

vào hồi            giờ            ngày            tháng            năm 20...

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam

- Trung tâm Thông tin - Thư viện, Đại học

Quốc gia Hà Nội

## MỞ ĐẦU

### 1. Lí do chọn đề tài

Thơ đương đại đang có những chuyển động đáng chú ý, đặc biệt là sự xuất hiện của nhiều phong cách thơ nữ. Thơ nữ Việt Nam khoảng gần ba thập kỉ qua là một giai đoạn khá dài trong lịch sử phát triển của thơ trữ tình, xét về tổng thể đã có những dấu hiệu thay đổi và đạt nhiều thành tựu so với giai đoạn trước.

Chúng tôi chọn đề tài *Khát vọng tự do trong thơ nữ đương đại qua các tác giả Dư Thị Hoàn, Phan Huyền Thư, Ly Hoàng Ly, Vi Thùy Linh* để nghiên cứu khát vọng tự do trong thơ nữ đương đại là tìm hiểu một phương diện chủ yếu của thơ, có khả năng khái quát được mối quan hệ giữa thơ nữ đương đại và đời sống, khái quát được kiểu cái tôi trữ tình và ước vọng của phụ nữ thời đại.

Đề tài cũng là cơ sở để mở ra những nghiên cứu khái quát cho thơ trữ tình đương đại Việt Nam và nhiều đề tài liên quan khác. Bên cạnh đó tìm hiểu khát vọng tự do trong thơ nữ đương đại là cách để đánh giá đúng mức khả năng sáng tạo nghệ thuật của các nhà thơ, cũng là cơ hội để bày tỏ sự trân trọng đối với những tài năng thơ nữ đương đại.

### 1. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

#### 1.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận án tập trung nghiên cứu một số tác giả tiêu biểu: Dư Thị Hoàn (1946), Phan Huyền Thư (1972), Ly Hoàng Ly (1975), Vi Thùy Linh (1980), và các nhà thơ nữ khác cùng thế hệ. Những tác giả này có nhiều đóng góp có giá trị về nội dung tư tưởng và nghệ thuật. Khát vọng tự do là một trong những cảm hứng lớn chi phối toàn bộ sáng tác của họ.

#### 1.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu của luận án là thơ của bốn tác giả nữ tiêu biểu sau: Du Thị Hoàn, Phan Huyền Thư, Vi Thùy Linh, Ly Hoàng Ly. Chúng tôi liên hệ đến sáng tác của các nhà thơ nữ Việt Nam ở các giai đoạn trước và cùng thời để làm nổi rõ trọng tâm nghiên cứu.

## 2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

### 2.1. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu khát vọng tự do trong thơ nữ Việt Nam đương đại để góp phần làm sáng tỏ diện mạo và những cách tân của thơ nữ đương đại trong xu thế chung của nền văn học đang có nhiều biến chuyển, hội nhập với thế giới. Từ đó, khẳng định những đóng góp cơ bản, đánh giá phong cách, tài năng của một số nhà thơ tiêu biểu, chỉ ra những hạn chế, đồng thời xác định lại vị trí của họ trong nền thơ Việt Nam hiện đại.

### 2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Khái quát những nghiên cứu về thơ Việt Nam đương đại nói chung, thơ nữ đương đại nói riêng. Khái quát thơ nữ đương đại trong dòng chảy của lịch sử văn học Việt Nam với những cảm hứng chủ đạo; làm rõ những khát khao tình yêu, hạnh phúc, yếu tố phái tính như một nguồn cảm xúc chủ yếu. Khát vọng tự do thể hiện qua các nhân vật trữ tình, đặc điểm của cái tôi trữ tình, cái tôi bản thể gắn liền với chủ thể sáng tạo là các nhà thơ nữ. Những đặc sắc nghệ thuật của thơ nữ đương đại với đặc điểm về ngôn ngữ, cách lựa chọn biểu tượng, xu hướng lựa chọn thể loại và hình thức biểu hiện; chỉ ra những tìm tòi, đổi mới mang tính sáng tạo của các nhà thơ nữ.

## 3. Đóng góp của luận án

Tìm hiểu khát vọng tự do trong thơ nữ đương đại, lý giải những cơ sở lịch sử, xã hội, văn hóa ảnh hưởng đến tư tưởng, phong cách sáng tác của các nhà thơ nữ Việt Nam đương đại.

Nghiên cứu có hệ thống về khát vọng tự do trong thơ nữ đương đại qua một số tác giả tiêu biểu, từ đó đóng góp vào việc tìm hiểu thơ Việt Nam hiện đại nói chung, thơ nữ Việt Nam đương đại nói riêng.

## 5. Phương pháp nghiên cứu

Luận án này chúng tôi sử dụng các phương pháp nghiên cứu chủ yếu sau: Phương pháp thi pháp học; phương pháp thống kê, phân loại; phương pháp loại hình học văn học; phương pháp so sánh, đối chiếu; phương pháp nghiên cứu xã hội, lịch sử.

## 6. Bố cục của luận án

Ngoài phần Mở đầu và Kết luận, Danh mục công trình nghiên cứu của tác giả có liên quan đến đề tài luận án, Tài liệu tham khảo, nội dung chính của luận án được triển khai qua 4 chương:

Chương 1: Tổng quan vấn đề nghiên cứu

Chương 2: Khát vọng tự do qua những cảm hứng chủ đạo trong thơ nữ đương đại

Chương 3: Khát vọng tự do thể hiện qua các nhân vật trữ tình

Chương 4: Khát vọng tự do qua hình thức biểu hiện

## NỘI DUNG

### CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

1.1. Tổng quan thơ nữ Việt Nam đương đại

1.1.1. Khái lược thơ Việt Nam từ 1986 đến nay

Văn học Việt Nam từ 1986 đến nay được định danh là văn học thời kỳ đổi mới, thuộc phạm trù văn học đương đại. Đây là giai đoạn văn học đang đang vận động và phát triển, trong đó, năm 1986 được xác định là một mốc phân kỳ, mở ra giai đoạn văn học với phẩm chất hàng đầu là đổi mới và cách tân. Xuất phát từ quan niệm thơ chủ yếu là sự biểu hiện của cái tôi ở phần tiềm thức, vô thức, tâm linh, thơ Việt Nam giai đoạn sau 1986 có khuynh hướng đi sâu vào những vùng mờ của tâm linh, vô thức, khám phá cái tôi bản thể, đưa thơ đi theo hướng tượng trưng, siêu thực. Cảm hứng chủ đạo trong nhiều tập thơ thời kì sau 1986 là hướng vào đời sống thế sự và trở về với cái tôi cá nhân.

Văn học thời kì này đã đề cập đến nhiều vấn đề của đời sống xã hội. Theo đó, cá tính sáng tạo của nhà thơ cũng được giải phóng triệt để hơn. Thơ ngày càng đa dạng về hình thức biểu hiện, giọng điệu trở nên gần gũi với đời sống, mang tính đối thoại với lối ngắt nhịp, gieo vần không theo quy luật thơ truyền thống. Nhìn một cách tổng quát, thơ ca thời kì đổi mới đã vận động một cách mạnh mẽ theo hướng hiện đại hóa. Với sự thay đổi về tư duy nghệ thuật và sự đổi mới về cấu trúc thể loại, thơ ca Việt Nam từ sau 1986 đã đi được một đoạn đường dài trên con đường hiện đại hóa, hội nhập với thơ ca nhân loại.

### 1.1.2. Tổng quan thơ nữ Việt Nam đương đại

Trong bối cảnh của thời đại mới, văn học Việt Nam nói chung, thơ ca Việt Nam nói riêng đã có những bước chuyển mình mạnh mẽ. Thơ ca thời kì này cũng đánh dấu sự xuất hiện và khẳng định tiếng nói của đội ngũ tác giả nữ. Bên cạnh những đề tài và thể loại cũ đã từng xuất hiện và tồn tại trong văn học thời kì trước, các nhà thơ nữ đã đi sâu khai thác cái tôi bản thể với những chuyển động của bản thể căng phồng sự sống. Họ tìm tòi, khám phá những góc khuất của tâm hồn, muôn mặt tình yêu, góc tối nhức cảm, khám phá cái tôi cá nhân bí ẩn và đầy bất trắc. Thời kì này, một thế hệ các nhà thơ nữ

mới đã xuất hiện và tạo được dấu ấn như Dạ Thảo Phương, Đường Hải Yến, Vi Thùy Linh, Ly Hoàng Ly, Phan Huyền Thư, Nguyễn Thúy Hằng, Trương Quế Chi...

Thơ nữ luôn có những bước tiến song hành cùng sự phát triển của nền văn học dân tộc. Sự đóng góp của các nhà thơ nữ trên các phương diện nội dung, cảm hứng sáng tạo, hình thức biểu đạt... đã tạo nên những dấu ấn mới mẻ cho nền thơ hiện đại của dân tộc. Tổng quan về vấn đề tự do trong văn học

### 1.1.3. Khái lược về khát vọng tự do

Tự do là một khái niệm nhiều chiều. Con người có thể nhận thức, chiêm nghiệm những khía cạnh của tự do như một khái niệm ở tầng cao triết học, chính trị học nhưng không chỉ có thế, “con người còn có thể cảm nhận được tự do một cách sinh động, thông qua các cảm giác của mình. Tự do gắn liền với đời sống tinh thần của con người từ quá khứ, đến hiện tại và tương lai” [11;17].

### 1.1.4. Khát vọng tự do trong văn học

Bản chất của sáng tạo nghệ thuật cần tự do, nhưng càng trong xã hội, nhất là xã hội có tước đoạt và bóc lột, “không ai có thể có tự do tuyệt đối, không thể có thứ tự do người viết muốn viết gì thì viết, ai muốn làm gì thì làm” [96;11]. Như vậy, rõ ràng “ở đâu nền văn hóa có tính đa dạng, ở đâu mà sự tồn tại của các khuynh hướng của cuộc sống được tôn trọng, thì ở đó có tự do và khi đó, văn hóa là hệ quả của tự do Văn hóa ấy hỗ trợ cuộc sống và chính là môi trường tinh thần của tất cả những gì còn lại của cuộc sống” [10;108].

## 1.2. Khát vọng tự do trong thơ Việt Nam

### 1.2.1. Khát vọng tự do trong văn học trung đại

Bản sắc văn hoá dân tộc Việt Nam thường được thể hiện qua các giá trị tinh thần như yêu nước, nhân ái, đoàn kết, cần cù, chịu thương chịu khó. Bên cạnh đó, truyền thống văn hoá Việt Nam còn

thể hiện trong quan niệm về cuộc sống, về con người, về thiên nhiên... Một trong những truyền thống quan trọng đó là tư tưởng về tự do. Tư tưởng tự do thể hiện xuyên suốt trong dòng chảy của văn học dân tộc, góp phần xây dựng nhân cách con người Việt Nam hiện đại hôm nay. Văn học là môi trường lý tưởng cho việc gìn giữ và lưu truyền các bản sắc văn hoá, bởi văn học là hoạt động tinh thần không thể thiếu của con người, văn học có hệ thống ngôn ngữ, biểu trưng bền vững, văn học gắn bó với con người.

### 1.2.2. Khát vọng tự do trong thơ Việt Nam hiện đại

Ý thức sáng tạo của Thơ Mới là ý thức về tự do, thoát khỏi sự ràng buộc của tư tưởng và lễ giáo phong kiến, đồng thời khẳng định vị trí của cái tôi cá nhân, góp thêm tiếng nói cho cuộc tìm kiếm bản chất con người. Khát vọng tự do như là một tiền đề để sản sinh ra Thơ Mới. Ngược lại, Thơ Mới đã nói lên được một nhu cầu lớn của con người về tự do.

### 1.2.3. Khát vọng tự do trong thơ nữ Việt Nam đương đại

Thơ nữ Việt Nam đương đại (từ 1986 đến nay) bộc lộ mong muốn, khát khao thể hiện cái tôi cá nhân của người phụ nữ Á Đông sau hàng ngàn năm buộc phải dồn nén bởi những giáo lý đạo đức phong kiến. Cái tôi cá nhân đậm chất phái tính mà thơ nữ đương đại thể hiện đã tạo nên một dấu ấn mới trong hành trình vận động và phát triển của cái tôi trữ tình trong thơ Việt Nam hiện đại. .

## 1.3. Tình hình nghiên cứu khát vọng tự do trong thơ nữ Việt Nam đương đại

### 1.3.1. Tình hình nghiên cứu về khát vọng tự do

Một số công trình bàn về ý thức tự do của con người trong lĩnh vực triết học, văn hóa xã hội... đã gây được tiếng vang trong giới nghiên cứu. Bên cạnh những công trình nghiên cứu về tự do và ý thức tự do của các tác giả Việt Nam, có một số công trình nghiên cứu của nước ngoài cũng đề cập đến tự do của con người:



### 1.3.2. Tình hình nghiên cứu khát vọng tự do trong thơ ca Việt Nam

#### 1.3.2.1. Từ đầu thế kỉ XX đến trước năm 1945

Thời kì này xuất hiện các cuộc “bút chiến”, tranh luận về thơ cũ và thơ mới. Trong các bài viết đó, vấn đề cá nhân, cái tôi được đề cập khá sâu sắc. Ý thức cá nhân, cái tôi trữ tình và sự vận động của nó được nhắc đến qua các bài viết của một số tác giả tiêu biểu. Tuy nhiên, do bối cảnh văn học nửa đầu thế kỉ còn nhiều phức tạp, số tác giả nữ không nhiều, nên các bài viết hầu hết mới chỉ dừng ở việc đề cập đến cái tôi trữ tình, ý thức cá nhân.

#### 1.3.2.2. Từ 1945 đến 1986

Do hoàn cảnh xã hội của đất nước, vấn đề nghiên cứu văn học nữ, ý thức phái tính, tiếng nói nữ quyền, hay khát vọng tự do những năm sau 1945 không thu hút sự quan tâm của giới nghiên cứu. Văn học miền Bắc thời kì này chủ yếu tập trung phục vụ cách mạng, cổ vũ chiến đấu. Ở miền Nam, tình hình nghiên cứu nữ quyền trong văn học cũng hết sức mờ nhạt. Tuy nhiên càng về sau, vấn đề nghiên cứu ý thức tự do trong thơ ngày càng khởi sắc hơn.

#### 1.3.2.3. Từ 1986 đến nay

Cùng với sự đổi mới của văn hóa, kinh tế, xã hội, sự phát triển của các thể loại văn học và lối tư duy mới, nghiên cứu văn học giai đoạn từ 1986 đến nay đạt được nhiều thành tựu. Người đọc nói chung và các nhà nghiên cứu nói riêng đã chú ý nhiều hơn đến ý thức tự do và khát vọng bộc lộ cái tôi cá nhân trong thơ.

### 1.3.3. Tình hình nghiên cứu khát vọng tự do trong thơ nữ Việt Nam đương đại

#### 1.3.3.1. Sự xuất hiện của các nhà thơ nữ đương đại

Tiến trình thơ Việt Nam hiện đại qua nhiều giai đoạn đã khẳng định vai trò của những nhà thơ nữ trong mỗi chặng đường phát triển. Trong sự chuyển động của Văn học Việt Nam gần đây, thơ nữ giữ

một vị trí quan trọng. Thơ nữ hôm nay luôn cố gắng không ngừng nhằm tạo thêm nhiều phẩm chất mới, mang lại diện mạo mới cho thơ Việt Nam hiện đại.

### 1.3.3.2. Tình hình nghiên cứu khát vọng tự do trong thơ nữ Việt Nam đương đại

Số lượng các bài viết về những hiện tượng tìm tòi thể nghiệm đổi mới thơ trẻ và thơ nữ Việt Nam hiện nay rất phong phú, nhìn chung có thể phân chia thành hai nhóm lớn: Nhóm các bài viết có xu hướng bao quát diện mạo và đặc điểm chung của xu hướng cách tân thơ Việt Nam hiện nay, và nhóm các bài viết phê bình, tranh luận, đánh giá về các tác giả, tác phẩm cụ thể.

Thế hệ các nhà thơ nữ trẻ giai đoạn từ 1986 đến nay đã mang đến cho đời sống văn học một tiếng nói mới mẻ, đầy đam mê và nhiệt huyết. Vấn đề ý thức về cái tôi, ý thức tự do, khát vọng sống được đề cập tới một cách khá trực diện và phong phú. Nghiên cứu về khát vọng tự do trong thơ của họ, chúng tôi cũng muốn hướng đến việc khẳng định tài năng, vị trí, bản lĩnh và phong cách thơ của các tác giả nữ giai đoạn từ 1986 đến nay, góp phần vào việc khái quát diện mạo thơ đương đại nói chung.

## CHƯƠNG 2

### KHÁT VỌNG TỰ DO QUA NHỮNG CẢM HỨNG CHỦ ĐẠO TRONG THƠ NỮ ĐƯƠNG ĐẠI

#### 2.1. Khát vọng tự do cá nhân

##### 2.1.1. Khát vọng vượt thoát lễ giáo, luật lệ cũ

Người phụ nữ từ sau những năm 1986 đã sống quá lâu với những niềm tin lệch lạc. Sùng bái giới tính nam là có thật trong đời

sống hàng ngày. Nhiều người trong xã hội, kể cả phụ nữ, luôn tư duy với các giá trị, tri thức sẵn có mang đầy định kiến khi nghĩ về giới nữ. Điều này ngăn họ trở về với những diễn biến cốt lõi nhất của đời sống cảm xúc cá nhân. Khai thác đề tài truyền thống, bày tỏ chiêm nghiệm, triết lý về cuộc đời hay cảm xúc hướng về quá khứ là những đặc điểm tiêu biểu của thơ ca đương đại. Vì vậy, xu hướng tìm về cội nguồn văn hóa truyền thống là đề tài khá nổi bật trong sáng tác của thơ nữ thời kì này. Tìm về cội nguồn văn hóa truyền thống với hình ảnh quê hương xứ sở in đậm trong tâm trí là nội dung cơ bản có thể dễ dàng nhận thấy trong tác phẩm của các nhà thơ nữ đương đại.

Thơ nữ đương đại thể hiện cách nhìn thế giới và đời sống thông qua kinh nghiệm của cái tôi cá nhân. Con người cá nhân trong thơ nữ luôn muốn được bộc lộ và khẳng định một cách triệt để. Họ đi sâu khai thác bản thể, khám phá những bí ẩn, những bất trắc của đời sống. Bên cạnh đó, con người cá nhân cũng luôn cố gắng tìm tòi, khám phá tình yêu với tất cả các mặt đa chiều, vừa thánh thiện vừa nhục cảm của nó. Hơn thế nữa, họ tìm kiếm cái cá nhân, cái tôi riêng. Bởi những khái niệm gắn với phái nữ như tam tông, tứ đức thời trung đại, đến hiện đại trở thành những khái niệm như nét na, thủy mị, chịu thương, chịu khó, tần tảo, hi sinh, bấp bực, nội trợ... Những tính từ chỉ phẩm chất ấy được tạo nên bởi truyền thống, quan niệm xã hội với những áp đặt mặc định cho giới nữ.

### 2.1.2. Khát vọng sống và suy tư, trăn trở về đời sống thực tại

Nói đến hiện thực trong văn chương là nói đến hiện thực mà chủ thể sáng tạo có thể tưởng tượng nên. Có thể có những diễn biến tinh vi, xa lạ với kinh nghiệm, tri thức của người đọc cũng như thực tại hiện hữu. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là thế giới được kiến tạo trong văn chương là thế giới không thực. Đó là kinh nghiệm của chủ thể sáng tạo, là thực tại mà người viết đang trải qua và cảm nhận nó. Thực tại đó có thể còn “thực” hơn những gì người đọc có thể

nhận biết bằng các giác quan thông thường. Hiện thực của văn chương dù hoang đường đến bao nhiêu vẫn gắn liền với thực tại qua cái nhìn của tác giả. Không có sự tưởng tượng nào bắt nguồn từ hư vô, cũng như mọi hư cấu đều xuất phát từ một nền tảng thực tại nhất định. Bởi vậy, văn chương mang đến cho con người một góc nhìn có tính phân tích, phóng đại hoặc hay dự đoán về thực tại. Đồng thời, hiện thực trong văn chương không nhất thiết phải là sự sao chép thực tại khách quan. Nghệ thuật nói chung và văn học nói riêng giúp con người nhận ra tính chất đặc thù của văn học nghệ thuật trong việc tiếp cận và biểu đạt về thực tại.

Thơ nữ trở về với đời sống thường nhật, đồng thời có ý thức về nhu cầu mạnh mẽ về đổi mới hình thức nghệ thuật và phương thức biểu hiện. Hiện thực trong văn chương không phải là câu chuyện mới mẻ, cũng lại chưa bao giờ cũ, nhất là trong bối cảnh nhiều thể nghiệm nghệ thuật mới đang làm giãn nở khái niệm hiện thực. Thơ ca là quá trình phản ánh và sáng tạo đời sống. Thơ nữ đương đại không còn cách nhìn lý tưởng hóa, mỹ lệ hóa, lối ca tụng sáo mòn hay ước vọng cuộc sống bình an như người ta hay gặp trong thơ ca thời kì trước, thay vào đó là nỗi ưu tư trước những bất cập của xã hội hiện đại. Có thể nói, thơ nữ thời kì này trở nên nhạy cảm hơn, trải nghiệm hơn và cũng thẳng thốt hơn.

### 2.1.3. Khát vọng tự do bộc lộ giới tính

Một trong những điểm đặc biệt dễ nhận thấy trong thơ nữ đương đại là khát khao được sống thực là mình, được phơi bày trọn vẹn cái bản thể nữ, giới tính nữ. Điều đó thể hiện rõ qua cách các nhà thơ tư duy về đời sống, bày tỏ khát vọng về tình yêu. Ở thế giới thơ Vi Thùy Linh, nhân vật trữ tình đều là những người con gái, người đàn bà đang yêu hoặc đã yêu một cách cuồng nhiệt. Những người đàn bà đang yêu say đắm ấy luôn khát khao được tôn vinh, được vỗ về, được yêu thương, luôn ý thức vượt thoát khỏi cái khung bó buộc

của quá khứ. Họ khát khao bùng lên, tung ra, bày tỏ những khát vọng riêng tư của người phụ nữ. Họ đòi quyền được hạnh phúc, khẳng định vị trí bình đẳng của mình đối với nam giới trong hành trình tìm kiếm và chiếm lĩnh tình yêu. Mỗi bài thơ tình của Vi Thùy Linh là một nhịp điệu cảm xúc cất lên từ trái tim nhà thơ. Những khao khát yêu đương trong thơ Vi Thùy Linh là tiếng nói rất mạnh mẽ, mới mẻ, thậm chí gây sốc về chủ đề tình yêu, tình dục, sự dâng hiến, mỹ cảm và sự dẫn thân.

Khát khao, chờ đợi là trạng thái muôn thuở và là một minh chứng cho sức mạnh của tình yêu. Các nhà thơ nữ đương đại tiếp tục làm giàu thêm những hình ảnh của nỗi đợi chờ ấy. Thơ tình yêu của Vi Thùy Linh có sự chủ động đợi chờ vĩnh cửu, nó mạnh mẽ và vô cùng quyết liệt. Nếu Ly Hoàng Ly coi *Cổ Trống* như là biểu tượng của nỗi đợi chờ thanh tân tuổi mới lớn, thì người con gái trong thơ Vi Thùy Linh sống với những cuộc hẹn tương lai, mang niềm tin lãng mạn, bất diệt. Mỗi bài thơ của Du Thị Hoàn thường không không hướng đến miêu tả một tình huống cụ thể, mà để nói lên một cảm giác hay cảm nhận về cuộc đời.

## 2.2. Khát vọng vượt thoát hoàn cảnh

### 2.2.1. Những giấc mơ giải thoát và hoàn cảnh bó buộc

Chất triết lý trong tác phẩm thường được hình thành từ trải nghiệm nhân sinh của chính người viết. Có được chất triết lý ấy đòi hỏi người viết phải trải nghiệm, thậm chí phải trả giá bằng đón đau và nước mắt, bằng thân phận chính mình. Nếu người viết có những trải nghiệm không vui vẻ quá khứ, đồng thời thực tế hiện hữu không đem lại sự thỏa mãn, ngược lại, nó mang đến nỗi buồn đau, cô đơn, trống vắng, thì điều tất yếu người viết sẽ tìm cách tự giải thoát, hoặc ít nhất là bộc lộ khát khao được giải thoát khỏi những ám ảnh quá khứ hoặc thực tại không như mong muốn.

Khi người viết ngộ ra điều gì mới thực là giá trị, điều gì có thể cứu rỗi được con người trong thực tại này, chính là lúc toàn bộ thế giới tinh thần của nhà thơ được khai sáng. Từ đó nhà thơ hình thành nên những quan niệm mới về giá trị sống cũng như những khát khao mang tính nhân bản về quá khứ và thực tại. Mặt khác, khao khát ấy ảnh hưởng ngược lại, chi phối cảm xúc và cái nhìn của người viết về đời sống đang hiện hữu. Vì vậy, nó trở thành điều thôi thúc bên trong, hình thành nên quan niệm về thẩm mỹ, về tự do, hạnh phúc của người viết, mà những quan niệm ấy mang đậm nét cảm tính, đặc biệt đối với các nhà thơ nữ giới. Và như một cách tự nhiên, có rất nhiều những câu thơ bộc lộ một cách gián tiếp hoặc trực tiếp mong muốn được giải thoát trong tác phẩm của các nhà thơ nữ. Trong thế giới của các nhà thơ nữ trẻ như Phan Huyền Thư, Vi Thùy Linh, Ly Hoàng Ly..., có nhiều lúc cái bụi bặm, đời thường mất đi, thay vào đó là thế giới vô thức, thế giới của ước mơ, của cảm xúc “ngẩn ngơ trong ảo giác của sự vô định”.

### 2.2.2. Khát vọng tự quyết định vận mệnh và ám ảnh về cái chết

Ước mơ được tự do, được sống thực là mình trong thơ nữ đương đại mang dấu ấn của sự hoài nghi, của cảm thức về phận người mong manh, về những xoay vần của đời sống thực tại. Cũng vì thế mà giấc mơ, cái chết... được nhắc nhiều, thể hiện một khát vọng vượt thoát khỏi đời sống thực tại. Tìm đến *cái chết* là tìm đến sự bình an, đưa bản thân thoát ra khỏi thế giới xấu xa. Thơ Phan Huyền Thư đưa người ta đến với những cảm giác muốn thoát ra khỏi cái nhàm chán của cuộc sống đơn điệu, muốn thay đổi và làm mới mình, làm mới thế giới.

Những ý tứ, câu chữ thể hiện khát vọng được giải thoát chính mình xuất hiện trong thơ nữ đương đại cho thấy những hoài nghi của các tác giả về cuộc đời. Thơ nữ thời kỳ này không hiếm những bài

nói đến việc chạy trốn, giấc mơ, sự sám hối và cái chết. Những nhà thơ nữ như Du Thị Hoàn, Phan Huyền Thư, Ly Hoàng Ly, Vi Thùy Linh coi đó là con đường giải thoát cho bản thân khỏi thực tại. Tất cả được tái hiện một cách cô đọng. Nó nói lên sự khao khát bút phá, khao khát tự do, khao khát vượt thoát các quy định, phá vỡ các ranh giới của thực tại và đời sống.

### 2.3. Khát khao hạnh phúc

#### 2.3.1. Hạnh phúc gia đình và sự hi sinh của người phụ nữ

Một trong những đề tài quen thuộc trong nghệ thuật nói riêng và thơ ca nói chung là đề tài tình yêu. Đã có rất nhiều nhà thơ viết về tình yêu và để lại những dấu ấn riêng biệt tạo nên tên tuổi trên thi đàn. Cảm hứng khát khao tình yêu trong thơ ca trước đây, đặc biệt là thời kì trước đổi mới, thường gắn với ý thức trách nhiệm của người công dân, nhưng đến thời kì của thơ trẻ đương đại nói chung và thơ Du Thị Hoàn, Phan Huyền Thư, Vi Thùy Linh, Ly Hoàng Ly nói riêng, người ta sẽ thấy được sự đa dạng của nó trong những cung bậc cảm xúc tình yêu. Trong quan niệm của thế trẻ đương đại nói chung và người trẻ như Vi Thùy Linh nói riêng, tình yêu đích thực phải có hai mặt trao và nhận, tận hiến và tận hưởng. Trong những bài thơ viết về tình yêu của Du Thị Hoàn, bao giờ người đọc cũng tìm thấy nét cá tính mạnh mẽ của người phụ nữ gốc Hoa sinh ra ở mảnh đất Hải Phòng, chị chủ động đưa ra những yêu cầu đối với người yêu. Tuy nhiên điều người ta thấy được ở đây phần nhiều chính là những khát khao hạnh phúc gia đình, sự hòa hợp trong tình cảm vợ chồng. Đây là những cảm xúc rất thực, rất đời, mà đã có biết bao người đàn bà, đàn ông đã trải qua trong cuộc đời. Nét riêng đặc trưng của phong cách thơ Du Thị Hoàn bộc lộ rất rõ qua những câu thơ chất chứa nỗi niềm, chênchao giữa khát vọng tình yêu bản năng và chuẩn mực đạo lý.

### 2.3.2. Khát vọng tình yêu gắn với khát vọng tình dục

Từ những khát vọng về tình yêu, thơ nữ đương đại bày tỏ những chiêm nghiệm, suy tư về chính tình yêu và cuộc đời. Những cảm xúc tiếc nuối, thất vọng, nỗi buồn sâu thẳm cũng xuất hiện song hành cùng với tình yêu trong thơ của Dư Thị Hoàn, Phan Huyền Thư, Vi Thùy Linh, Ly Hoàng Ly. Về đề tài tình yêu, thơ của các tác giả này là tiếng nói cất lên từ trái tim da diết yêu thương, tràn đầy niềm xúc động chân thành. Tuy nhiên có thể thấy, bên cạnh nỗi buồn, sự hoài nghi, băn khoăn, còn có những ước vọng hạnh phúc đời thường hay khao khát dang hiến, khát vọng hưởng thụ tình yêu trần thế. Đó cũng là một trong những đặc trưng quan trọng của thơ nữ thời kì này. Tình yêu trong thơ nữ là những ước vọng hạnh phúc đời thường, những khao khát bản năng. Những khát khao ấy không chỉ là khao khát dang hiến mà còn là khát vọng hưởng thụ tình yêu. Đồng thời tình yêu không chỉ đơn thuần mang lí tưởng mà còn là tình yêu trần thế, không chỉ về tinh thần mà còn là thể xác. Đặc biệt là khát vọng thức tỉnh bản năng trong mỗi con người.

## CHƯƠNG 3: KHÁT VỌNG TỰ DO THỂ HIỆN QUA CÁC NHÂN VẬT TRỮ TÌNH

### 3.1. Cái tôi trữ tình trong thơ nữ đương đại

#### 3.1.1. Sự giảm dần cái tôi chứng kiến, cái tôi nhân danh

Cái tôi trữ tình thể hiện nhận thức và cảm xúc đối với đời sống qua cái nhìn của chủ thể, kết hợp với việc tổ chức các phương tiện biểu hiện của thơ trữ tình, tạo nên một thế giới tinh thần riêng biệt, độc đáo mang dấu ấn cá nhân. Thời kì đổi mới tạo nên môi trường cho con người giải phóng cái tôi. Thơ nữ đương đại là tiếng nói của những khát vọng được khẳng định, và khi đó, cái tôi được giải phóng để cất lên tiếng nói riêng độc đáo.



Qua mỗi tác phẩm, các nhà thơ nữ có thể giải bày những uẩn khúc sâu kín trong tâm hồn với những cảm xúc phong phú từ yêu thương, hạnh phúc đến những buồn đau, cô đơn, tuyệt vọng. Có thể thấy, từ Du Thị Hoàn, Phan Huyền Thư đến Vi Thùy Linh, Ly Hoàng Ly đều đã thể hiện sự mạnh mẽ trong nỗ lực cách tân, khao khát được dẫn thân qua lối viết tự do, phóng khoáng với những dấu ấn riêng biệt.

### 3.1.2. Cái tôi giới tính, cái tôi nữ quyền

Phái nữ luôn được coi là phái đẹp. Một trong những giác ngộ về giới của người phụ nữ chính là sự tự ý thức về mình. Người nữ ý thức được mình đẹp và họ kiêu hãnh về điều đó. Các bộ phận, đường nét cơ thể nữ giới được miêu tả, gợi tả một cách tự nhiên, thậm chí táo bạo. Những hình ảnh như đường cong, mái tóc, làn da, đôi môi, đôi chân, đùi trong, bầu ngực... đều được nhắc đến. Với thế giới của các nhà thơ nữ, cần ghép nhiều mảnh lại với nhau mới có thể đọc được tiếng nói riêng của trái tim nhà thơ. Chỉ khi người đọc thâm nhập sâu vào thế giới cảm thức đằng sau hình ảnh, ngôn từ, mới có thể nhận ra ánh sáng rất riêng trong thơ nữ. Trong ý thức của các nhà thơ nữ về vẻ đẹp của giới mình, có thể thấy rất rõ hình ảnh người đàn bà tự ngắm mình, tự hào về vẻ đẹp thân thể của chính mình trong nỗi cô đơn hoang hoải.

### 3.1.3. Cái tôi trữ tình tự định danh

Thơ nữ đương đại xuất hiện những tác phẩm mà ở đó người đọc nhìn thấy hiển hiện một cái tôi đầy kiêu hãnh. Cái tôi trữ tình ấy kiêu hãnh ngẩng cao đầu khẳng định mình là một cá nhân độc lập trên cõi thế, riêng biệt và không bao giờ trộn lẫn. Tư duy của những nhà thơ nữ sống trong thời kì hiện đại có những nét khác biệt hoàn toàn so với tư duy của nhà thơ nữ thời kì trước. Đó là khả năng nhận ra cái chân – giá - trị của mình. Bởi con người là tổng hòa các mối

quan hệ xã hội, cho nên cái tôi không hoàn toàn thoát khỏi xã hội, nó cũng thay đổi theo những biến động của thời đại. Và như vậy, cái tôi trữ tình trong thơ vừa mang bản chất xã hội vừa mang bản chất cá nhân riêng biệt, nó đại diện cho người viết – tác giả. Đó là cái “tôi” độc lập, muốn thể hiện dứt khoát cách nhìn nhận, đánh giá vấn đề và quan điểm sống của mình. Theo đó, cái tôi vừa là chủ thể, vừa là khách thể của hoạt động nhận thức. Nó tự ý thức, tự điều chỉnh để hướng tới sự hoàn thiện.

### 3.2. Cái tôi buồn và cô đơn

#### 3.2.1. Cái tôi buồn và cô đơn

Một trong những điểm đặc biệt làm nên nét riêng cho cái tôi trong thơ nữ những năm sau 1986 là sự hoài nghi và trạng thái bế tắc. Những suy tư trong thời kì mới cho phép tái cấu trúc cái tôi trong một không gian văn hoá mới. Đồng thời nó cũng cho phép những nghịch lí, lệch chuẩn, không luật lệ, những bất thường hiện hữu. Điều này, xét về bản chất của hệ thống tư tưởng cá nhân là tái lập trạng thái bình thường sau những khoảng thời gian bị đồng hoá. Cái tôi ấy không phải là cái tôi được tạo dựng với những tri thức về giới, về thân phận, địa vị, thiên chức hay bổn phận.

#### 3.2.2. Cái tôi hoài nghi và bế tắc

Vì vậy, trong nỗi đau đánh mất chính mình, khi nhận ra mình không còn là mình, các nhà thơ nữ đã mang đến trong thơ những câu hỏi mà qua đó, người đọc có thể tìm thấy những nguyên nhân dẫn đến sự “rẽ ngoặt” từ đường lớn đang đi để bước vào “Lối nhỏ”. Đó là những day dứt về bản sắc nữ tính của cái tôi trữ tình. Bên cạnh đó là ý thức về bản sắc nữ tính mới, mà ở đó người phụ nữ không nhất thiết phải đi theo lối mòn của đám đông. Những hoài nghi xuất hiện trong thơ thể hiện thái độ với thực tại đang hiện diện. Thông qua đó,

nhà thơ bày tỏ những trăn trở và niềm tin về thực tại, bày tỏ những khát khao được đi đứng, nói cười, tự do làm điều mình muốn.

### 3.3. Các nhân vật trữ tình khác trong thơ nữ đương đại

Tính nữ trong thơ của các nhà thơ nữ trẻ như Phan Huyền Thư, Vi Thùy Linh được tạo nên từ một tâm hồn chín sớm, một tâm hồn được nuôi dưỡng trong thời kì xã hội thay đổi đến chóng mặt. Chính vì vậy, thơ họ thể hiện một tính cách nữ đa chiều và phức tạp. Tính nữ rất riêng ấy đã mang tới cho thơ Vi Thùy Linh và Phan Huyền Thư màu sắc riêng biệt, khai mở thế giới nội tâm phức tạp và mâu thuẫn của người phụ nữ trong khao khát tuyệt đích niềm hạnh phúc và ước vọng làm Mẹ. Đó cũng là tiếng nói của người phụ nữ hiện đại dám sống, dám yêu, dám khẳng định mình bằng cái tôi khác biệt.

## CHƯƠNG 4: KHÁT VỌNG TỰ DO QUA HÌNH THỨC BIỂU HIỆN

### 3.1. Thơ tự do

#### 4.1.1. Hình thức và kết cấu

Thơ tự do không theo một thể thức nhất định, có thể là *hợp thể* với cách kết hợp các đoạn thơ làm theo thể khác nhau; hoặc *phá khổ*, nghĩa là không theo khổ 4 dòng, 6 dòng đều đặn mà đan xen các câu thơ dài ngắn khác nhau [12]. Mạch thơ có thể liên tục hoặc ngắt thành từng khổ với số dòng không nhất định. Ngay trong mỗi khổ thơ, dòng thơ thì số chữ có thể nhiều ít khác nhau. Câu thơ tự do có thể mở rộng làm nhiều dòng, sắp xếp theo bậc thang hoặc cách quãng để thể hiện dụng ý nghệ thuật của người viết. Cách cấu trúc và hình thức biểu hiện của thơ tự do vô cùng phong phú và đầy chất sáng tạo nhưng vẫn mang đầy đủ những đặc trưng cơ bản của thơ trữ

tình. Đó là tính hình tượng, tính truyền cảm và tính cá thể hóa, xuất phát từ những rung động sâu thẳm trong tâm hồn nhà thơ trước cuộc đời.

#### 4.1.2. Ngôn ngữ trong thơ tự do

Ngôn ngữ là tài sản chung, là phương tiện giao tiếp chung của cả cộng đồng xã hội. Theo M. Gorki, ngôn ngữ là yếu tố đầu tiên của văn học. Văn chương là nghệ thuật của ngôn từ, cho nên ngôn ngữ trong văn chương nói chung, trong thơ ca nói riêng mang những đặc trưng riêng biệt. Ngôn ngữ trong thơ ca vừa mang giá trị nghệ thuật, vừa có tính hình tượng, uyển chuyển và biến hóa linh hoạt với các biện pháp tu từ. Ngôn ngữ trong thơ nói chung và trong thơ tự do nói riêng là ngôn ngữ được sử dụng với mọi phương tiện biểu hiện của lời nói, nhịp, vần, ngữ điệu, các biện pháp tu từ để sáng tạo hình tượng nghệ thuật.

Thơ ngày càng gần gũi với ngôn ngữ mà cộng đồng đang sử dụng. Ngôn ngữ ngày càng trở về với đời sống. Các nhà thơ đương đại ngày càng thoải mái tự nhiên sử dụng ngôn ngữ đời thường trong thơ, đưa ngôn ngữ gần với cuộc đời hơn và cũng hiện đại hơn. Điều này phù hợp với quy luật của cuộc sống nói chung và thơ ca nói riêng. Ngôn ngữ thơ hiện đại mang tính trực cảm cao, chi tiết hóa đời sống, mô tả cái cá nhân bản thể. Các nhà thơ nữ đương đại không ngần ngại đưa vào thơ những ngôn ngữ mà trước đây coi là “vùng cấm”. Những từ ngữ gần với đời xuất hiện nhiều trong các tác phẩm thơ thời kì này.

#### 4.2. Những giấc mơ và yếu tố siêu thực

Giấc mơ, giấc ngủ, đêm tối, đêm trắng... là mô- tip xuất hiện nhiều trong thơ nữ đương đại. Giấc mơ là một phần tất yếu của cuộc sống, ai cũng từng có những giấc mơ khi ngủ. Có những giấc mơ an lành vui tươi, nhưng cũng không ít những giấc mơ là ác mộng khiến

con người lo lắng, sợ sệt. Từ những điều bất an, lo lắng ấy mà nhu cầu được giải mã giấc mơ của con người là rất lớn. Nó bắt nguồn từ những ám ảnh, những mong muốn khát khao chưa thể trở thành sự thật. Sự đa dạng về ý nghĩa của hình tượng cho thấy tâm thức sáng tạo của nghệ sĩ luôn luôn vận động và đa diện. Ở đó, biểu tượng có thể được lấy từ chất liệu cuộc sống thực, có khi xuất phát từ những liên tưởng không thực hay siêu thực, siêu hình của nhà thơ. Như vậy có thể thấy, khuynh hướng lấy hành động sáng tạo ngôn ngữ thơ làm mục đích là đặc điểm chung của nhiều nhà thơ đương đại. Hoạt động sáng tạo nghệ thuật nghiêm túc không phải là tìm cách để gây ấn tượng. Mỗi tác giả thơ nữ đương đại đều đang cố gắng tạo ra những giá trị mới cho câu chữ, mang đến cho người đọc những cảm xúc mới trong lớp vỏ ngôn ngữ vốn đã quen thuộc. Qua đó, khẳng định cái tôi nghệ sĩ, cá tính sáng tạo của nhà thơ.

## KẾT LUẬN

1. Thơ là tiếng nói của trái tim người nghệ sĩ, phản chiếu chiều sâu tư duy với những rung động của tâm hồn, cảm xúc, đặc biệt là thơ của các tác giả nữ. Những sáng tạo trở thành tinh hoa sẽ tiềm ẩn những cách lý giải đặc sắc, tiên bộ. Tuy nhiên, phải đến thơ nữ đương đại, người đọc mới có thể thấy được một cái tôi bản thể trỗi dậy mạnh mẽ và dữ dội, bộc lộ khát vọng tự do, tình yêu và hạnh phúc rõ ràng đến như vậy. Đó chính là một trong những yếu tố quan trọng làm nên sức hấp dẫn của thơ nữ Việt Nam đương đại.

Nghiên cứu *Khát vọng tự do trong thơ nữ Việt Nam đương đại qua các tác giả Dư Thị Hoàn, Phan Huyền Thư, Ly Hoàng Ly, Vi Thùy Linh* để góp phần làm sáng tỏ diện mạo và những cách tân của thơ nữ đương đại trong xu thế chung của nền văn học đang có nhiều biến chuyển, hội nhập với thế giới. Từ đó, khẳng định những đóng góp cơ bản, đánh giá phong cách, tài năng của một số nhà thơ tiêu

biểu, chỉ ra những hạn chế, đồng thời xác định lại vị trí của họ trong nền thơ Việt Nam hiện đại.

2. Cá tính mạnh mẽ của các nhà thơ nữ đương đại đã đem đến nét độc đáo riêng biệt cho thơ Việt Nam hiện đại nói chung và thơ nữ nói riêng. Đề tài trong thơ nữ giai đoạn sau đổi mới (1986) rất phong phú, đa dạng về mọi mặt, xuất phát từ cách nhìn, cách cảm nhận sự vật sự việc của mỗi tác giả. Như một đặc trưng mang nét giới tính, thơ nữ đương đại luôn có một mảng rất riêng bày tỏ khát vọng về tình yêu nam nữ, về ước mơ tự do, hạnh phúc. Khát vọng ấy được biểu đạt cụ thể, trực tiếp hoặc gián tiếp phụ thuộc vào nét cá tính riêng của người nghệ sĩ sáng tác. “Nhờ có những phiêu lưu tinh thần mà con người thời không chỉ là một sản phẩm của lịch sử, một sản phẩm của hoàn cảnh. Nó vượt thoát hoàn cảnh, ra khỏi những “khung cửa hẹp” để trở thành một chủ thể có ý thức, người tham dự vào sáng tạo ra lịch sử, sáng tạo ra bản thân. Có lẽ, chính những phiêu lưu tinh thần này đã tạo nên sức sống của ngòi bút, tạo nên sự phiêu lưu” [217;197].

3. Văn học thế kỷ XX đã chuyển mình sang giai đoạn mà người nghệ sĩ định hình cái tôi cá nhân một cách rõ nét, khác xa với nền văn học trung đại “phi ngã”. Khi con người bắt đầu có ý thức về bản thể tồn tại của chính mình, độc lập và khác biệt so với các cá thể khác là khi cái tôi và khát vọng cá nhân được định hình. Khát vọng tự do mang những dấu ấn riêng của chính cá nhân người nghệ sĩ sáng tác. Điều đó được thể hiện rất rõ qua những tác phẩm của các nhà thơ nữ. Trong văn học Việt Nam hiện đại, thế hệ các nhà thơ nữ thời kháng chiến chống Mĩ khá hùng hậu, họ đã cất lên tiếng nói cá nhân, bộc lộ cái tôi riêng bản lĩnh. Đến thời kỳ sau 1975, cùng với đà phát triển của đất nước, nền văn học nước nhà cũng có những bước chuyển mình, giao lưu, hội nhập với văn học quốc tế, hình thành nên một thế hệ tác giả thơ nữ trẻ đương đại. Phần lớn trong số họ được sinh ra và lớn lên trong hòa bình với sự đổi thay, phát triển nhanh chóng của đất nước về mọi phương diện kinh tế, xã hội. Đa phần các

nhà thơ nữ có điều kiện tiếp xúc, học hỏi và chịu ảnh hưởng của văn học nước ngoài, đặc biệt là trào lưu “nữ quyền luận”. Ý thức phái tính là ý thức về những gì gắn bó nhất với mỗi phái về mặt bản thể. Ý thức phái tính gắn liền với chủ nghĩa nữ quyền. Qua đó, những nhà thơ nữ đã mạnh dạn nói lên khát khao tự do, khát khao hạnh phúc cháy bỏng trong tâm hồn họ. Thơ nữ Việt Nam đương đại bộc lộ mong muốn, khát khao thể hiện cái tôi cá nhân, cái tôi phái tính, khát vọng tự do của người phụ nữ Á Đông sau hàng ngàn năm buộc phải dồn nén trước những giáo lí đạo đức phong kiến.

4. Trong dòng chung ấy, mỗi nhà thơ nữ Việt Nam đương đại đều cố gắng thể hiện sự sáng tạo riêng, hoàn toàn độc lập. Quá trình sáng tạo của mỗi nhà thơ phản ánh cách nhìn chung của thế hệ những nhà thơ đương đại, đặc biệt là các tác giả nữ. Tuy nhiên, với những nhà thơ nữ đương đại, việc đánh giá và nhận xét vẫn là hơi sớm. Vì chính bản thân họ chưa đi hết con đường sáng tạo của riêng mình, còn người đọc thì chưa có độ lùi thời gian cần thiết để nhìn nhận. Dẫu vậy, việc nghiên cứu vẫn có tác dụng kích lệ, hay là một kiểu đối thoại giữa độc giả với các hiện tượng văn học đương đại. Hướng nghiên cứu *Khát vọng tự do trong thơ nữ Việt Nam đương đại* thể hiện qua sáng tác của một số nhà thơ tiêu biểu, đã khẳng định được tên tuổi của chính mình trong nền thơ đương đại như Du Thị Hoàn, Phan Huyền Thư, Ly Hoàng Ly, Vi Thùy Linh có thể xem là con đường trực diện nhất, vì nó đi thẳng vào chất liệu cũng như tư tưởng của thơ ca nữ đương đại, đồng thời khám phá quá trình ý niệm hóa thể giới và những khát khao bộc lộ của nhà thơ. Phân tích làm rõ khát vọng tự do như là một cảm hứng lớn, đã góp phần khẳng định những thành tựu, giá trị của thơ nữ đương đại, cũng như chỉ ra những hạn chế của thơ nữ thời kì này.

5. *Khát vọng tự do trong thơ nữ Việt Nam đương đại qua các tác giả Du Thị Hoàn, Phan Huyền Thư, Ly Hoàng Ly, Vi Thùy Linh* là một trong những nét mới, là đóng góp của thơ nữ đương đại cho một nền văn học. Khát vọng tự do của cái tôi trữ tình là sự thống

nhất giữa cái tôi cá nhân, cái tôi xã hội và cái tôi nghệ thuật – thẩm mỹ. Bên cạnh đó, khát vọng tự do bắt nguồn từ phái tính chỉ sự liên kết giữa giới và những bản tính đặc trưng cho từng phái riêng biệt, cho nên khát vọng tự do chính là sự tự ý thức của cái tôi nhà thơ được biểu hiện trong nghệ thuật. Đó là kết quả của quá trình tìm tòi sáng tạo, sự thăng hoa cảm xúc, sự thể hiện đời sống tinh thần và tư duy sáng tạo nghệ thuật của nhà thơ mang thiên tính nữ. Tuy nhiên, việc biểu hiện khát vọng tự do trong thơ nữ đương đại cũng không tránh khỏi những hạn chế và cách thể hiện mang tính cá nhân, bản năng. Bên cạnh đó, một số nhà thơ có cách lựa chọn ngôn ngữ, hình ảnh thiếu chọn lọc, đôi khi gây phản cảm, thiếu giá trị thẩm mỹ. Dẫu vậy, với hệ thống hình ảnh biểu tượng đầy chất nữ tính, cách sử dụng ngôn từ đa dạng, phong phú đặc trưng cho giới nữ, thơ nữ Việt Nam đương đại đã và đang định hình nên một lối thơ tự do phóng khoáng, không lệ thuộc vào câu chữ, vần điệu, mang đặc điểm của cái tôi cá nhân khát khao tự do một cách rõ nét. Đồng thời, trong dòng chung ấy, mỗi nhà thơ nữ đương đại đều đã tạo được cho mình một tiếng nói riêng, khẳng định bản lĩnh sáng tạo riêng, góp phần làm phong phú hơn thơ ca hôm nay.



DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC  
GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Trịnh Phương Dung (2018), “Cái tôi cá nhân và khát vọng tự do, hạnh phúc trong thơ nữ Việt Nam đương đại”, Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, số 414, tháng 12/2018, tr.112-116.
2. Trịnh Phương Dung (2018), “Thơ tự do của Dư Thị Hoàn, Phan Huyền Thư”, Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Hồng Đức, số 42, tháng 12/2018, tr.12-19.